

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LONG BẮC NINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO LONG BẮC NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300944605

**3. Ngày thành lập:** 05/08/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 46, đường Kinh Bắc 20, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02413.857.981

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                              | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                  | 2392(Chính)                                                  |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                          | 2393                                                         |
| 3.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                               | 2395                                                         |
| 4.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                        | 0810                                                         |
| 5.  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                                | 0899                                                         |
| 6.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                              | 5510                                                         |
| 7.  | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                     | 5590                                                         |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                | 4663                                                         |
| 9.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                  | 4100                                                         |
| 10. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                              | 4210                                                         |
| 11. | Xây dựng công trình công ích                                                                                           | 4220                                                         |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                             | 4290                                                         |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                 | 4311                                                         |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                      | 4312                                                         |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                  | 4321                                                         |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                        | 4322                                                         |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                         | 4329                                                         |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                         | 4330                                                         |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                    | 4390                                                         |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                       | 4932                                                         |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                         | 4933                                                         |
| 22. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                | 9329                                                         |
| 23. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                          | 9610                                                         |
| 24. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động cầm đồ                                                              | 6492                                                         |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                 | 7710                                                         |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                    | 7730                                                         |
| 27. | Đại lý du lịch                                                                                                         | 7911                                                         |
| 28. | Điều hành tua du lịch                                                                                                  | 7912                                                         |
| 29. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                           | 7920                                                         |
| 30. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN KHÁNH       | Số nhà 46, Đường Kinh Bắc 20, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 382.200    | 3.822.000.000         | 39,000    | 125210283                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                            | Tổng số           | 382.200    | 3.822.000.000         | 39,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HOÀNG KHIÊM | Số nhà 23, Đường Tân Đà, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam      | Tổng số           | 382.200    | 3.822.000.000         | 39,000    | 125171770                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                            | Cổ phần phổ thông | 382.200    | 3.822.000.000         | 39,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG THỊ BÌNH     | Khu 3, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 215.600    | 2.156.000.000         | 22,000    | 125446334                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                            | Tổng số           | 215.600    | 2.156.000.000         | 22,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG KHIÊM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *13/04/1975*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *125171770*

Ngày cấp: *01/10/2014*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Ninh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 23, Đường Tản Đà, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 23, Đường Tản Đà, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh*